

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nhận bài:

01 – 02 – 2015

Chấp nhận đăng:

25 – 09 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Nguyễn Thị Diệu

Tóm tắt: Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất là một trong các công đoạn trong đánh giá đất đai. Đánh giá đúng hiệu quả kinh tế sử dụng đất có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong phát triển nông nghiệp và quy hoạch phát triển nền kinh tế của địa phương: giúp lựa chọn đúng các loại hình sử dụng đất phù hợp với cây trồng từ đó làm cơ sở để đưa ra hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong từng giai đoạn.

Hoà Vang là huyện duy nhất của thành phố Đà Nẵng phát triển sản xuất nông nghiệp, do vậy đây là nơi cung cấp lương thực thực phẩm lớn và được xem là vành đai xanh của thành phố. Việc phát triển kinh tế nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn huyện là chính sách không chỉ phát triển kinh tế địa phương mà còn là cách thức giải quyết hàng loạt các vấn đề xã hội khác như giải quyết công ăn, việc làm, an sinh xã hội cho người dân nông thôn.

Từ khóa: hiệu quả kinh tế; sử dụng đất; loại hình sử dụng đất; Hòa Vang; sản xuất nông nghiệp

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, vấn đề nghiên cứu về đánh giá đất đai không chỉ chú ý phần điều kiện môi trường tự nhiên và hệ thống canh tác mà người ta còn quan tâm nhiều hơn về lĩnh vực kinh tế để đáp ứng yêu cầu về xã hội của người sử dụng đất đai. Đặc biệt trong phần đánh giá đất đai của FAO (1976) có đề cập đến vấn đề đánh giá định lượng đất đai về mặt kinh tế để hỗ trợ cho việc chọn lựa kiểu sử dụng đất đai trong từng thời kỳ trên cơ sở thích nghi đất đai về mặt tự nhiên.

Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền huyện Hòa Vang đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách như chương trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, các chương trình khuyến nông nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất canh tác. Trên địa bàn huyện có nhiều điển hình sản xuất thâm canh giỏi, các mô hình chuyển đổi từ đất trồng cây lương thực sang trồng các loại cây hàng hoá, cây đặc sản, các mô hình đa canh cho hiệu

quả kinh tế cao. Tuy nhiên, những năm gần đây, do quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ nên diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp lại. Trong khi đó, dân số gia tăng dẫn đến nhu cầu về lương thực, thực phẩm tăng nhanh tạo ra sức ép đối với đất canh tác. Vì vậy, làm thế nào để có thể sử dụng hiệu quả diện tích đất nông nghiệp hiện có trên địa bàn là vấn đề đang được các cấp chính quyền quan tâm nghiên cứu để xây dựng cơ sở cho việc đề ra các phương án chuyển dịch cơ cấu cây trồng một cách hợp lý nhất, nhằm đem lại hiệu quả sử dụng đất cao nhất có thể.

2. Phương Pháp nghiên cứu

2.1. Thu thập tài liệu

Thu thập thông tin về điều kiện tự nhiên và các bản đồ đơn tính: đất, nước (khả năng tưới), hiện trạng sử dụng đất đai. Các báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nghiên cứu, đặc biệt là những vấn đề ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

2.2. Điều tra và khảo sát điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội

Điều tra hiện trạng sử dụng đất, mô hình canh tác, các hệ thống sử dụng đất đai và hệ thống canh tác. Điều

* Liên hệ tác giả

Nguyễn Thị Diệu

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: dieunguyen77@gmail.com

tra các yếu tố về xã hội có liên quan đến sử dụng đất đai như: lao động, kiến thức chuyên môn trong sản xuất, trình độ giáo dục, tập quán canh tác, nguồn lực nông hộ về các thiết bị phục vụ sản xuất, nguồn vốn và vốn tự có,... Các yếu tố về xã hội được điều tra chi tiết khác nhau ở các Xã thuộc huyện Hòa Vang. Điều tra về các chỉ tiêu kinh tế liên quan đến đánh giá định lượng đất đai như: chi phí đầu tư, tổng thu của từng kiểu sử dụng đất, lợi nhuận của từng kiểu sử dụng đất đai, các chi phí đầu tư hay thu nhập khác có từ các hoạt động sản xuất như sản phẩm phụ, chi phí cải tạo điều kiện tự nhiên, chi phí vận chuyển và quản lý. Các yếu tố về chỉ tiêu kinh tế được điều tra chi tiết khác nhau ở Huyện. Tổng số phiếu điều tra, phỏng vấn nông hộ là 50 phiếu theo các mô hình sử dụng đất đai khác nhau.

2.3. Phương pháp phân tích quả kinh tế

Xây dựng phân cấp chỉ tiêu kinh tế cho các kiểu sử dụng đất đai theo 2 phương pháp tính trung bình theo FAO (1976): Xác định các đặc tính kinh tế: Có 4 đặc tính được tính toán là đầu tư, tổng giá trị sản phẩm, lợi nhuận (thu nhập thực tế) và hiệu quả đồng vốn. Xây dựng phân cấp yếu tố bằng phương pháp tính ngưỡng dưới của % năng suất tối hảo cho các cấp thích nghi, từ đó xác định giá trị giới hạn từng cấp thích nghi xây dựng bảng phân cấp yếu tố kinh tế cho tất cả các kiểu sử dụng đất. Công thức tính trung bình theo FAO (1976) như sau:

Rất cao: $\geq (\sum 80\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Cao từ: $\geq (\sum 40\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 80\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Trung bình: từ $\geq (\sum 20\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 40\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Thấp: $< (\sum 20\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát khu vực nghiên cứu

Là một huyện ngoại thành, bao bọc quanh phía Tây khu vực nội thành thành phố Đà Nẵng, có hệ thống đường giao thông tương đối thuận tiện.

- Hoà Vang có 3 loại địa hình là miền núi, trung du và đồng bằng:

+ *Vùng đồi núi* phân bố ở phía Tây gồm các xã Hoà Bắc, Hoà Ninh, Hoà Phú và Hoà Liên, có diện tích khoảng 56.476,7 ha, bằng 79,84% tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện, có độ cao khoảng từ 400-500 m, cao nhất là đỉnh núi Bà Nà (1.487 m), độ dốc lớn >400, là nơi tập trung nhiều rừng đầu nguồn có ý nghĩa bảo vệ môi trường sinh thái của thành phố Đà Nẵng. Đất đai có nguồn gốc chủ yếu đá biến chất, đất đỏ vàng... phát triển trên các đá mẹ nhumác-ma, gra-phit.. Địa hình đất đai của vùng này thích hợp cho việc phát triển lâm nghiệp, nông nghiệp và du lịch.

+ *Vùng trung du*: chủ yếu là đồi núi thấp có độ cao trung bình từ 50 đến 100 m, xen kẽ là những cánh đồng hẹp, bao gồm các xã Hoà Phong, Hoà Khương, Hoà Sơn, Hoà Nhơn với diện tích 11.170 ha, chiếm 15,74 % diện tích toàn huyện; phần lớn đất đai bị bạc màu, xói mòn trơ sỏi đá, chỉ có rất ít đất phù sa bồi tụ hàng năm ven khe suối. Địa hình và đất đai ở vùng này phù hợp cho việc trồng các cây cạn, có nhu cầu nước ít, chịu được hạn.

+ *Vùng đồng bằng*: bao gồm ba xã Hoà Châu, Hoà Tiến, Hoà Phước với tổng diện tích là 3.087 ha, chiếm 4,37% diện tích tự nhiên. Đây là vùng nằm ở độ cao thấp 2-10 m, hẹp nhưng tương đối bằng phẳng. Đất phù sa ven sông và đất cát là hai loại đất đặc trưng của vùng, thích hợp cho việc trồng rau, lúa màu. Tuy nhiên, có yếu tố không thuận lợi là do địa hình thấp, khu vực này thường bị ngập lụt trong những ngày mưa lũ lớn.

-Nước mặt: Hệ thống sông ngòi của Hoà Vang bao gồm các sông chính là sông Cu Đê, sông Yên, sông Túy Loan, sông Vĩnh Điện; một số sông nhỏ là sông Tây Tịnh, Qúa Giáng,.. và hệ thống nhiều ao hồ tự nhiên.

Huyện Hòa Vang có kiện tự nhiên, đất đai tương đối thuận lợi, hệ thống cây trồng phong phú và đa dạng với nhiều loại hình sử dụng đất khác nhau. Qua điều tra cho thấy có đất canh tác của huyện được chia thành 4 loại sử dụng đất chính với 13 kiểu sử dụng đất phổ biến sau: - *LUT 1: chuyên lúa nước 2 vụ*: Lúa xuân và hè thu; - *LUT 2: lúa- màu*: Lúa xuân + lúa hè thu + Ngô đông hoặc khoai lang đông; Rau + lạc xuân + lúa hè thu + lạc xuân; Lúa hè thu + ngô đông xuân; Lúa hè thu + lạc xuân; - *LUT 3: chuyên cây hàng năm*: Chuyên rau; Lạc xuân + đậu tương hè + khoai lang đông; Lạc xuân +

mè hè thu + ngô đông; Ngô đông xuân + đậu xanh xuân hè + rau hè thu; Thuốc lá đông xuân + sắn; Ngô đông xuân + mè hè thu; Sắn, mía; - LUT4: Chuyên cây dài ngày : Cây ăn quả; Rừng trồng (bạch đàn, keo lá tràm).

3.2. Phân tích hiệu quả kinh tế sử dụng đất

3.2.1. Hiệu quả sản xuất một số cây trồng chính

Bảng 1. Diện tích, năng suất, sản lượng của một số cây trồng chính

Loại cây	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
Lúa	5585.3	60.32	31.882,3
Ngô	755	57.47	3.419,8
Khoai lang	316	61.33	1.938
Lạc	498	20.5	1.020,9
Mía	307	379,17	11.640,5
Mè	220	5,1	113,2
Rau các loại	604	126	7.658,7
Sắn	125	62.73	784.2
Thuốc lá	17	19,53	33,2
Đậu xanh, đậu đen	201	16.0	322
Lạc	525	23	1.208
Cây hàng năm khác	81	306,6	2.483,6

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Hòa Vang năm 2013)

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế hệ thống cây trồng huyện Hòa Vang (1ha)

STT	Loại hình sử dụng đất LUT	CP đầu tư vật chất (CP)	Tổng giá trị sản phẩm (SP)	Đầu tư công lao động	Thu nhập thực tế (LN)	Giá trị ngày Công Công (NC)	Hiệu quả đồng vốn (B/C)
1	Lúa đông xuân	15,800,000	34,200,000	145	18,400,000	126,897	11.6
2	Lúa hè thu	15,800,000	36,600,000	150	20,800,000	138,667	13.2
3	Ngô đông xuân	7,201,600	34,200,000	150	26,998,400	179,989	37.5
4	Đậu xanh	3,900,000	32,000,000	130	28,100,000	216,154	72.1
5	Lạc đông xuân	13,600,000	52,900,000	240	39,300,000	163,750	28.9
6	Mè	2,750,000	21,000,000	30	18,250,000	608,333	66.4
7	Khoai lang	7,900,000	24,200,000	130	16,300,000	125,385	20.6
8	Rau hè thu	7,181,818	48,204,000	240	41,022,182	170,926	57.1
9	Mía	10,648,400	26,621,000	145	15,972,600	110,156	15.0
10	Thuốc lá đông xuân	42,857,143	120,000,000	320	77,142,857	241,071	18.0
11	Sắn	7,337,000	14,674,000	90	7,337,000	81,522	10.0
12	Dưa hấu	19,320,000	48,300,000	220	28,980,000	131,727	15.0
13	Đậu các loại	3,620,000	10,800,000	120	7,180,000	59,833	19.8

3.2.2. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh tế

- Đầu tư cơ bản: Bao gồm toàn bộ các khoản chi trong thời kỳ kiến thiết cơ bản trên một đơn vị diện tích.

- Tổng giá trị sản phẩm thu được: Bằng sản lượng thu được trên một đơn vị diện tích đầu tư của tư nhân với giá hiện hành.

- Thu nhập thực tế đạt được: Bằng tổng giá trị sản phẩm thu được trừ đi khấu hao và đầu tư hàng năm, không kể chi phí lao động.

- Giá trị ngày công lao động: Bằng thu nhập thực tế chia cho tổng số ngày công lao động.

- Hiệu suất đồng vốn: Là giá trị lợi nhuận so với giá trị đầu tư.

Các chỉ tiêu phân tích được đánh giá bằng tiền theo thời giá hiện hành. Kết quả điều tra đánh giá hiệu quả kinh tế ở Hòa Vang trên các loại hình sử dụng đất bằng phương pháp điều tra, phỏng vấn nông hộ thể hiện ở Bảng 2.

3.2.3. Phân cấp các chỉ tiêu phân tích quả kinh tế

Xây dựng phân cấp yếu tố bằng phương pháp tính ngưỡng dưới của % năng suất tối hảo cho các cấp thích nghi, từ đó xác định giá trị giới hạn từng cấp thích nghi xây dựng bảng phân cấp yếu tố kinh tế cho tất cả các kiểu sử dụng đất. Công thức tính trung bình theo FAO (1976) được thực hiện như sau:

- Tính cho thu nhập thực tế (Lợi nhuận):

Rất cao: $\geq (\sum 80\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Cao từ: $\geq (\sum 40\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 80\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Trung bình: từ $\geq (\sum 20\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 40\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Thấp: $< (\sum 20\% LN (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

- Tính cho hiệu quả đồng vốn:

Rất cao $\geq (\sum 80\% B/C (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Cao từ $\geq (\sum 40\% B/C (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 80\% B/C (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Trung bình từ $\geq (\sum 20\% B/C (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 40\% B/C (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Thấp $< (\sum 20\% B/C (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

- Tính cho chi phí vật chất đầu tư

Rất cao $\geq (\sum 80\% CP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Cao từ $\geq (\sum 40\% CP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 80\% CP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Trung bình từ $\geq (\sum 20\% CP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 40\% CP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Thấp $< (\sum 20\% CP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

- Tổng giá trị thu được/ha/ năm

Rất cao $\geq (\sum 80\% SP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Cao từ $\geq (\sum 40\% SP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 80\% SP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Trung bình từ $\geq (\sum 20\% SP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 40\% SP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Thấp $< (\sum 20\% SP (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

- Giá trị 1 ngày công lao

Rất cao $\geq (\sum 80\% NC (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Cao từ $\geq (\sum 40\% NC (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 80\% NC (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Trung bình từ $\geq (\sum 20\% NC (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$ đến $< (\sum 40\% NC (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Thấp $< (\sum 20\% NC (LUT1 + LUT2 + \dots + LUTn))/n$

Bảng 3. Phân cấp một số chỉ tiêu đánh giá về hiệu quả kinh tế

Mức độ phân cấp	Chi phí vật chất đầu tư/ha/năm (10 ⁶ đ)	Tổng giá trị thu được/ha/năm (10 ⁶ đ)	Thu nhập thực tế/ha/năm (10 ⁶ đ)	Giá trị 1 ngày công lao động (1000đ)	Hiệu quả đầu tư của đồng vốn (%)
Rất cao	> 9.7	> 31	> 21	> 259	> 30
Cao	4.8-9.6	15.5-31	10.6 -20.9	194-258	26 -30
Trung bình	2.4 - 4.7	7.7 - 15.4	5.3 - 10.5	129-193	20 - 25,9
Thấp	< 2.4	< 5.3	< 10	< 129	< 20

3.3.4. Kết quả phân tích hiệu quả kinh tế một số loại hình sử dụng đất

Dựa trên kết quả tính toán hiệu quả kinh tế hệ thống

cây trồng huyện Hòa Vang ở Bảng 2 và so sánh đối chiếu với bảng phân cấp một số chỉ tiêu đánh giá về kinh tế Bảng 3, kết quả đánh giá như sau:

Bảng 4. Kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế một số loại hình sử dụng đất

STT	Cây trồng	CP đầu tư vật chất	Tổng giá trị sản phẩm	Đầu tư công lao động	Thu nhập thực tế	Giá trị ngày Công	Hiệu quả đồng vốn
1	Lúa đông xuân	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Cao	Cao	Trung bình
2	Lúa hè thu	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Cao	Cao	Cao
3	Ngô đông xuân	Cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao
4	Đậu xanh	Trung bình	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao
5	Lạc đông xuân	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao
6	Mè	Trung bình	Cao	Thấp	Cao	Rất cao	Rất cao
7	Khoai lang	Cao	Thấp	Trung bình	Cao	Cao	Cao
8	Rau hè thu	Cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao
9	Mía	Rất cao	Cao	Rất cao	Cao	Cao	Cao
10	Thuốc lá Đông xuân	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Rất cao	Cao
11	Sắn	Cao	Thấp	Cao	Trung bình	Cao	Trung bình
12	Dưa hấu	Rất cao	Trung bình	Rất cao	Rất cao	Cao	Cao
13	Đậu các loại	Trung bình	Trung bình	Cao	Trung bình	Trung bình	Cao

Qua phân tích chúng ta nhận thấy đối với cây lúa có chi phí đầu tư cao, thu nhập thực tế trung bình và giá trị ngày công trung bình.

Hiệu quả kinh tế cao nhất thuộc loại hình rau, màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Vì vậy, hiện nay huyện đang mở rộng diện tích các các loại cây thực phẩm và cây CNNN như: đậu xanh, mía, mè, thuốc lá, hoa, rau các loại... đem lại hiệu quả kinh tế cao, giảm dần tỷ lệ cây lương thực.

3.3. Phân tích hiệu quả xã hội và môi trường

Để đạt hiệu quả kinh tế cao và bền vững về mặt môi

trường, ngoài việc đảm bảo điều kiện sinh thái để các loại hình sản xuất phát triển tốt, cho năng suất cao thì cần phải quan tâm đến các vấn đề khác như: nhu cầu vốn, yêu cầu kỹ thuật, giá cả, thị trường tiêu thụ... Đồng thời khả năng cải tạo, bồi dưỡng đất, chống xói mòn cũng được xem xét.

Trên cơ sở điều tra, khảo sát thực địa và phân tích tài chính, các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của một số loại hình sử dụng đất, nghiên cứu lựa chọn 3 loại sử dụng đất chính là Lúa nước 2 vụ, Cây trồng cạn, Cây lâu năm và phân thành 3 cấp: cao, trung bình, thấp.

Bảng 5. Phân cấp một số chỉ tiêu đánh giá kinh tế - xã hội và môi trường.

Chỉ tiêu \ Loại sử dụng	Lúa nước 2 vụ	Cây trồng cạn	Cây lâu năm
I. Hiệu quả KT - XH			
- Giá trị kinh tế	Trung bình	Cao	Trung bình
- Nhu cầu vốn đầu tư	Trung bình	Thấp	Cao
- Yêu cầu kỹ thuật	Trung bình	Thấp	Cao
- Tính khả thi	Cao	Cao	Trung bình
II. Tác động MT			
- Chống xói mòn	Trung bình	Thấp	Trung bình
- Cải tạo, bồi dưỡng đất	Trung bình	Trung bình	Cao
- Điều tiết nước	Thấp	Thấp	Trung bình
- Cân bằng sinh thái	Thấp	Thấp	Trung bình

Như vậy, chúng ta thấy để đạt được năng suất cao của hệ thống cây trồng và phát triển nông nghiệp bền

vững ngoài việc đánh giá mức độ thích nghi của đất đai, còn phải tính đến hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường.

4. Thảo luận và hàm ý chính sách

Trên cơ sở phân tích hiệu quả kinh tế và phân hạng mức độ thích nghi cho các loại hình sử dụng đất được chọn, việc bố trí đất đai theo nguyên tắc phải lựa chọn, bố trí các loại cây trồng vừa phù hợp với điều kiện sinh thái, điều kiện kinh tế xã hội, vừa có giá trị sản lượng thu nhập cao và tạo ra nhiều việc làm cho các nông hộ theo hướng đa dạng dạng hóa cây trồng và sản phẩm. Trong điều kiện diện tích đất cho sản xuất nông nghiệp nói chung của huyện Hòa Vang sẽ giảm theo quy hoạch sử dụng đất trong tương lai, trừ diện tích đất dùng cho trồng rau và hoa. Vì vậy, tăng năng suất là một trong các giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả và mức độ đóng góp của ngành nông nghiệp trong nền kinh tế chung của Huyện. Để làm được điều này, trong những năm đến Hòa Vang cần:

- Ổn định diện tích trồng lúa tại các vùng sản xuất lúa tập trung ở các xã Hòa Tiến, Hòa Châu, Hòa Phước, Hòa Khương và Hòa Phong.

- Tiếp tục xây dựng mới và mở rộng các vùng trồng rau chuyên canh, trồng nấm ăn tại các xã Hòa Tiến, Hòa Phong, Hòa Khương...; các vùng trồng hoa, cây cảnh tại các xã Hòa Phước, Hòa Châu, Hòa Liên... nhằm đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu cho dân cư đô thị.

- Quy hoạch và bố trí sản xuất cho phù hợp các vườn đồi, vườn rừng, vùng trồng cây ăn quả ..., trên cơ sở chọn lọc những cây có năng suất và giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng của vùng.

- Trong những năm tới, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tiếp tục giảm diện tích sản xuất lúa, tăng diện tích sản xuất cây rau thực phẩm, tăng diện tích sản xuất cây ngô nhằm bổ sung thức ăn cho chăn nuôi, ổn định diện tích trồng lạc, hạn chế không phát triển diện tích trồng sắn, giảm dần diện tích trồng cây lâu năm và cây ăn quả.

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng khai thác tốt hiệu quả đất đai, tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích, phù hợp với vùng sinh thái và địa hình đất đai của huyện Hòa Vang.

- Xác định cơ cấu trồng trọt theo giá trị sản xuất, theo diện tích gieo trồng; các cây được xác định mũi

nhọn là: Lúa, đậu xanh, mè, ngô, rau thực phẩm (kể cả nấm ăn, dưa hấu, đậu phụng, hoa,...)

5. Kết luận

Hòa Vang là huyện duy nhất của thành phố Đà Nẵng phát triển sản xuất nông nghiệp, có điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, với các cây hàng hóa trọng điểm là các cây như: lúa, đậu xanh, mè, ngô, rau thực phẩm. Kết quả nghiên cứu hiệu quả kinh tế của các loại cây trồng trên địa bàn huyện cho thấy: cây thuốc lá có tổng trị sản phẩm (SP) cao nhất là 120 triệu đồng/ha; thu nhập thực tế là 77,15 triệu đồng/ha; giá trị ngày công là 241.071 đồng; đậu xanh, mè và rau có hiệu quả đồng vốn cao nhất.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng đất, trong những năm tới, huyện tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng cường công tác phát triển thị trường, tăng cường hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất nông sản an toàn cho người dân.

Tài liệu tham khảo

- [1] FAO (1976, 1980, 1996), Khung đánh giá đất, Rome, Italy.
- [2] UBND huyện Hòa Vang, Niên giám thống kê 2006, 2012, 2013
- [3] UBND huyện Hòa Vang (2009), Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, Hòa Vang.
- [4] Viện Thổ nhưỡng Nông hoá (1998), “Điều tra đánh giá tài nguyên đất đai theo phương pháp FAO- UNESCO”.
- [5] Vũ Thị Thương, Cao Việt Hà (2013), “Đánh giá hiệu quả và ảnh hưởng sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá huyện lục ngạn, tỉnh Bắc Giang, Tạp chí Khoa học và Phát triển 2013, tập 11, số 4: 542-548.
- [6] Lê Quang Trí (2010), Giáo trình đánh giá đất đai. NXB Đại học Cần Thơ.
- [7] Lê Quang Trí & nnk (2011), “Đánh giá việc xây dựng phân cấp yếu tố kinh tế làm cơ sở cho phân hạng thích nghi đất đai định lượng kinh tế thông qua kiểm chứng thực tế tại huyện Càng Long tỉnh Trà Vinh, Tạp chí Khoa học 2011: 20b, Trường Đại Học Cần Thơ, trang 169 - 179.

EVALUATING THE ECONOMIC EFFICIENCY OF LAND USE FOR STRUCTURAL TRANSFORMATION OF PLANTS IN HOA VANG DISTRICT, DA NANG CITY

Abstract: Assess the economic efficiency of land use is one of the stages of land evaluation. Properly assess the economic efficiency of land use have extremely important implications for agricultural development and planned development of the local economy: help choosing the right kinds of land uses consistent with the plant as a basis from which to arrive at an economic restructuring of agriculture in each period.

Hoa Vang district is unique Danang agricultural development, so this is where this provides great food and is considered the city's green belt. The economic development of agricultural commodities in the district policy is not only local economic development but also as ways to address a range of social issues such as handling food, employment, welfare society for the rural population.

Key words: Economic efficiency; land use; LUT; Hoa Vang; Agricultural production.